TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 135/2020/DS-ST
Ngày: 04/12/2020
Về việc: "T/c HĐ mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

-Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

- Ông Cao Văn Dũng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tô Tấn Cường, là Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

Đại diện VKSND huyện T, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1636/2020/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 1730/2020/QĐST- DS, ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1961, có mặt.

Trú tại: Thôn T1 , xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định

Bị đơn: Anh Dương Văn T1, sinh năm 1977, vắng mặt.

Trú tại: Thôn Th1, xã Ph2, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Đoàn Thị Th3 , sinh năm 1974, vắng mặt.

Trú tại: Thôn Th1, xã Ph2, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại các bản khai, biên bản

công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Th trình bày: Giữa bà với vợ chồng Dương Văn T1 và Đoàn Thị Th3 có quen biết làm ăn với nhau, T1 là người chăn nuôi vit còn bà là người mua bán thức ăn gia súc gia cầm. Vào tháng 5 năm 2009 anh Dương Văn T1 có gọi điện liên hệ đại lý của bà để mua thức ăn gia cầm cho vịt đẻ trứng, thì có gặp con trai bà đến trao đổi với vợ chồng T1: Theo thường lệ thì khách hàng mua được nợ gối đầu chuyến đầu tiên cho vịt ăn khoảng 15-20 ngày, tức khoản 3-4 phiên chợ, sau đó bán trứng thu tiền thì chuyến hàng tiếp theo sẽ thu tiền chuyến này chỉ cho nợ chuyến đầu. Lúc này hai bên thống nhất giao kèo nên bà đã giao hàng cho T1 lúc đầu giữa tháng 5 là 20 bao, nhãn hiệu 6688x 260.000đ/ bao với trọng lượng 40kg / bao, T1 nuôi vịt ít nên chỉ tiêu thụ mỗi ngày 01 bao. Từ khi mua thức ăn gia cầm của bà, T1 chỉ thanh toán được khỏan 03 lần , nhưng chuyến tiếp theo Tấn cứ thiếu dần thiếu dần, mức nợ tăng lên nhiều nên gia đình bà đến đòi thì Tấn nói khó khăn xin bà thông cảm giúp vợ chồng T1 qua lúc ngặt, vợ chồng Tấn hứa hẹn rất nhiều lần. Sau đó số nợ tăng lên gấp 5 lần so với mức gối đầu thì con trai bà đã liên hệ với anh T1 để trả nợ thì anh T1 vẫn không chịu trả. Sau đó vợ chồng T1 lại tiếp tục năng nỉ vì khó khăn, con nhỏ đi học, thu nhập cũng không có để trả nên bà để cho nợ. Thời gian gần đây Tấn làm ăn khá nhưng khi bà đến đòi nợ thì vợ chồng T1 cố tình trốn tránh, dùng những lời lẽ hỗn láo. Quá trình mau bán có ký vào sổ nợ của bà. Vì vậy nay bà Th yêu cầu vợ chồng T1 phải trả cho bà số tiền mua thức ăn gia cầm còn nợ là 17.000.000đ. Ngoài ra bà Th không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn Dương Văn T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ là Đoàn Thị Th3 đã được Tòa án tống đạt các thủ tục hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của Nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 352 BLDS năm 2015 buộc vợ chồng anh Dương Văn T1 trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền là 17.000.000đ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về thủ tục tố tụng **:** Đây là vụ án tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Thôn Th1, xã Ph2, huyện T, tỉnh Bình Định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án**:**

[2].1 Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th yêu cầu vợ chồng anh Dương Văn T1 và Đoàn Thị Th3 trả số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ là 17.000.000đ thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo lời khai bà Th thì giữa bà Th và vợ chồng anh T1 có thiết lập mối quan hệ mua bán thức ăn gia cầm, bà Th là người bán còn anh T1 là người mua, anh T1 có ký vào sổ nợ của bà Th từ năm 2009. Tuy nhiên sau thời gian dài bà Th để cho vợ chồng anh T1 có điều kiện trả nợ thì anh T1 không chịu trả mà vợ chồng anh T1 hẹn nợ khi có tiền sẽ trả vì quá khó khăn, và tính đến ngày xét xử anh T1 còn nợ 17.000.000đ. Mặc dù Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T1, chị Th3 nhưng anh T1 chị Th3 vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ cuả Nguyên đơn xuất trình, quy định của Điều 440 BLDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc anh T1 nuôi vịt, chăn nuôi phục vụ nhu cầu cải thiện kinh tế gia đình nên đã phát sinh nợ thì chị Th3 cùng phải có trách nhiệm trả nợ cùng chồng là Dương Văn T1 cho bà Nguyễn Thị Th là phù hợp theo quy định tại Điều 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về án phí DSST: Áp dụng Điều 26, Nghị Quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14, quy định về mức thu, miễm, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc vợ chồng anh T1 chị Th3 cùng phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước. Trả lại cho bà Th tiền tạm ứng án phí.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định cuả Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 35, 39, 217, 227 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điều 440 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình, Điều 26 Nghị Quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14, quy định về mức thu, miễm, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Buộc vợ chồng anh Dương Văn T1, Đoàn Thị Th3 cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Th 17.000.000đ là tiền mua thức ăn chăn nuôi vịt còn nợ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành các khoản đã tuyên thì hàng tháng còn phải chịu lãi xuất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 ứng với khoản tiền chậm thi hành.

Về án phí DSST: Buộc vợ chồng anh T1 chị Th3 cùng phải chịu 850.000đ án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Hoàn trả cho bà Th 425.000đ tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000644, ngày 08/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Các đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 04/12/2020). Đương sự vắng mặt tại Tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV -TAND tỉnh BĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy